

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	405	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với điểm thi năng khiếu	70								
2	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	406	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025 với điểm thi năng khiếu	25								
3	Đại học	7140201	Giáo dục Mầm non	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025 với điểm thi năng khiếu	05								
4	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	98								
5	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	35								
6	Đại học	7140202	Giáo dục Tiểu học	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	07								
7	Đại học	7140209	Sư phạm Toán	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	28								
8	Đại học	7140209	Sư phạm Toán	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	09								
9	Đại học	7140209	Sư phạm Toán	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh- Lưu học sinh Lào	01								

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
10	Đại học	7140209	Sư phạm Toán	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	02								
11	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	07								
12	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	02								
13	Đại học	7140211	Sư phạm Vật lý	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	01								
14	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	07								
15	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	02								
16	Đại học	7140213	Sư phạm Sinh học	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	01								
17	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	28								
18	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	10								
19	Đại học	7140217	Sư phạm Ngữ văn	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	02								
20	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	17								

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
21	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	06								
22	Đại học	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	02								
23	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	24								
24	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	08								
25	Đại học	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2025	03								
26	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	100								
27	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	80								
28	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	10								
29	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	10								
30	Đại học	7229010	Lịch sử	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	60								
31	Đại học	7229010	Lịch sử	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	42								
32	Đại học	7229010	Lịch sử	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	09								

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
33	Đại học	7229010	Lịch sử	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	09								
34	Đại học	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	50								
35	Đại học	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	40								
36	Đại học	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh- Lưu học sinh Lào	01								
37	Đại học	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	04								
38	Đại học	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	05								
39	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	100								
40	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2024	60								
41	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh- Lưu học sinh Lào	27								
42	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	05								
43	Đại học	7480201	Công nghệ Thông tin	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	08								
44	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	25								

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
							Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
45	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	17								
46	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	04								
47	Đại học	7620112	Bảo vệ thực vật	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	04								
48	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	100	Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2025	50								
49	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	200	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) năm 2025	35								
50	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)- Đào tạo cử tuyển	05								
51	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	402	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM	05								
52	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	502	Xét theo điểm học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2025	05								

* **Lưu ý:** Trong trường hợp có phương thức xét tuyển không tuyển đủ chỉ tiêu, Nhà trường sẽ chuyển chỉ tiêu đó sang phương thức xét tuyển khác.